

Bản án số: 422/2024/DS-PT
Ngày: 31-10-2024
V/v “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Trọng Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số 387/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 396/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1961;

Địa chỉ: khu phố R, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 01-3-2024).

- **Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T – Bị đơn.

(*Ông N, bà H và ông T có mặt tại phiên tòa.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-3-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim K do ông Huỳnh Thanh N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 31-7-2023 bà Trần Thị Kim H với ông Nguyễn Văn T có vay của bà Lê Thị Kim K số tiền 165.000.000 đồng. Các bên không thỏa thuận lãi suất. Bà H trực tiếp viết giấy mượn tiền, ký tên. Bà H cam kết ngày 01-01-2024 trả hết số tiền nhưng kéo dài đến nay. Bà K yêu cầu ông T, bà H phải liên đới trả số tiền 165.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

Bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 31-7-2023 bà có vay của bà Lê Thị Kim K số tiền 52.500.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 15%/tháng. Bà có trả lãi, không nhớ số tiền đã trả là bao nhiêu và cũng không nhớ đã trả lãi được bao nhiêu tháng. Việc trả lãi không có ký nhận, không có giấy tờ. Bà K có ghi giấy tính lãi nhưng không có chữ ký của cả hai bên. Nội dung trong giấy mượn tiền là do chính bà ghi và ký tên với số tiền 165.000.000 đồng. Sở dĩ có nội dung như vậy là do bà K yêu cầu bà ghi rồi khi nào có tiền thì trả. Vì tin tưởng như vậy nên bà mới ký tên. Bà không có giấy tờ hay tài liệu chứng cứ chứng minh là chỉ vay số tiền 52.500.000 đồng. Việc trả lãi hai bên không làm giấy tờ. Hiện tại Bà không có khả năng trả cho bà K. Bà xin trả số tiền vốn 52.500.000 đồng và tiền lãi theo qui định của pháp luật. Mục đích vay tiền để xoay sở chi tiêu trong gia đình

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thị Kim H. Ông thừa nhận có biết việc bà H vay tiền của bà K nhưng không biết số tiền vay là bao nhiêu. Mục đích vay tiền là giải quyết cuộc sống chi tiêu trong gia đình. Ông đồng ý trả tiền cho bà K như lời trình bày của bà H. Ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, hiện tại cuộc sống có khó khăn xin đợi bán đất trả hết nợ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhiều lần nhưng không thành

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Kim K số tiền 165.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-7-2024, bị đơn bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H và ông T chỉ đồng ý trả số tiền 52.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà H và ông T trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: theo “Giấy mượn tiền” ngày 31-7-2023, bà H có mượn của bà K số tiền 165.000.000 đồng. Bà H thừa nhận bà đã ký tên vào giấy mượn tiền. Bà H và ông T cho rằng chỉ vay của bà K số tiền 52.500.000 đồng nhưng do bà K cộng tiền lãi mới lên số tiền 165.000.000 đồng nhưng bà H và ông T không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc bà H và ông T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà K số tiền 165.000.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà H và ông T kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H và ông T chỉ đồng ý trả số tiền 52.500.000 đồng.

[2] Xét thấy, tại đơn khởi kiện ngày 01-3-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim K yêu cầu bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả số tiền 165.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng

với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng nên cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự là bị đơn trong vụ án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm ghi số bản án không đúng mẫu nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Thấy rằng, tại “Giấy mượn tiền” ngày 31-7-2023 có nội dung: Bà Trần Thị Kim H có mượn của bà Lê Thị Kim K số tiền 165.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01-01-2024 sẽ trả. Dưới hàng chữ “Người mượn tiền” bà H có ký tên và ghi họ tên “Trần Thị Kim H”. Bà H cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký là của bà H.

[5] Bà H với ông T cho rằng chỉ vay của bà K số tiền 52.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15% tháng và bà K đã cộng tiền lãi mới lên số tiền 165.000.000 đồng nhưng bà H không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ hay người làm chứng để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Xét thấy khoản tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T với bà H đang tồn tại. Hơn nữa, ông T và bà H cũng thừa nhận mục đích vay tiền để phục vụ chi tiêu trong gia đình.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc bà H và ông T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà K số tiền vay 165.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp các điều 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà H và ông T kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H và ông T chỉ đồng ý trả số tiền 52.500.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông T là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Kim K số tiền vay 165.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim H phải chịu 4.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim K số tiền 4.125.000 đồng tiền tạm ứng phí theo biên lai thu số 0008238 ngày 08-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009052 ngày 12-7-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa để thi hành án phí.

Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

